

NHU CẦU TẬP LUYỆN THỂ DỤC THỂ THAO CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG DÂN CƯ THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG

Nguyễn Sơn Tùng*

Tóm tắt:

Bằng các phương pháp nghiên cứu thường quy đề tài tiến hành xác định nhu cầu tập luyện TDTT của các đối tượng dân cư Thành phố Tuyên Quang, tạo cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp phát triển phong trào TDTT quần chúng trên địa bàn Thành phố trong những năm tới.

Từ khóa: Nhu cầu, tập luyện, thể dục thể thao, Thành phố Tuyên Quang.

Need of sports training by people in Tuyen Quang City

Summary:

By the common research methods, the study has learned out the need of sports training by the people in Tuyen Quang City, which is a scientific basis for proposing the solutions to develop the mass sports movement in the city for the next years.

Keywords: Need, training, sports, Tuyen Quang City.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tuyên Quang là Thành phố cấp 2 thuộc tỉnh Tuyên Quang, với tổng dân số 95.680 người, bao gồm 7 phường (Phan Thiết, Minh Xuân, Tân Quang, Nông Tiến, Ý La, Tân Hà, Hưng Thành) và 6 xã (An Khang, An Tường, Lưỡng Vượng, Thái Long, Đội Cấn, Trảng Đà).

Cùng với phong trào TDTT cả nước, những năm qua phong trào TDTT quần chúng của tỉnh Tuyên Quang nói chung và Thành phố Tuyên Quang nói riêng đã có bước khởi sắc. Tuy vậy, kết quả đạt được vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và sự trông đợi của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Chính vì vậy, việc xác định nhu cầu tập luyện TDTT của các đối tượng dân cư Thành phố Tuyên Quang là cơ sở khoa học quan trọng cho việc đề xuất các giải pháp đẩy mạnh phong trào TDTT quần chúng trên địa bàn thành phố.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp điều tra xã hội học; Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Quá trình thu thập thông tin về nhu cầu tập luyện TDTT của dân cư Thành phố Tuyên Quang được tiến hành thông qua điều tra các đối tượng dân cư của 7 phường và 6 xã trên địa bàn Thành phố Tuyên Quang. Mẫu khảo sát được

lựa chọn ngẫu nhiên trên địa bàn các xã, phường và kết quả được phân tích theo 2 khu vực (thành thị và nông thôn) tương ứng với 5 lứa tuổi và giới tính. Kết quả điều tra được trình bày ở bảng 1, 2 và 3.

Kết quả ở bảng 1 cho thấy:

- Theo khu vực và giới tính: Nhu cầu tập luyện các môn thể thao của các đối tượng dân cư ở thành thị cao hơn cư dân nông thôn ở cả nam và nữ; Các môn thể thao được lựa chọn có sự phân tán lớn và có sự khác biệt ở các nhóm đối tượng dân cư: Thành thị lao động từ 0,2% đến 23,7%, nông thôn từ 0,5% đến 15,2%. Đồng thời nhu cầu tập luyện các môn thể thao cũng có sự khác biệt theo giới tính (nam cao hơn nữ) ở cả thành thị lẫn nông thôn.

- Nam khu vực thành thị:

Các môn có nhu cầu >10%: Điền kinh, Cầu lông, Xe đạp, Bóng chuyền.

Các môn có nhu cầu từ 5 đến 10%: Bóng đá, Cờ, Thể dục, Các môn Võ, Bóng bàn; Quần vợt, Các môn thể thao khác.

Các môn có nhu cầu thấp < 5%: Đá cầu, Võ đường sinh, Bóng rổ, Các môn thể thao dân tộc, các trò chơi dân gian.

- Nam khu vực nông thôn:

Các môn nhu cầu trên >10%: Điền kinh, Cờ, Bóng đá.

Các môn có nhu cầu từ 5 đến 10%: Bóng chuyền, Bơi, Xe đạp, Cầu lông.

*ThS, Trường Đại học Tân Trào. Email: nguyentung260184@gmail.com

**Bảng 1. Nhu cầu tập luyện các môn thể thao của các đối tượng dân cư
Thành phố Tuyên Quang theo khu vực**

TT	Các môn thể thao	Nam				Nữ			
		Thành thị (n=426)		Nông thôn (n=414)		Thành thị (n=420)		Nông thôn (n=400)	
		n	%	n	%	n	%	n	%
1	Điền kinh (đi bộ, chạy)	101	23.70	63	15.20	95	22.60	47	11.80
2	Thể dục (buổi sang, thể hình, thẩm mỹ)	32	7.50	19	4.60	38	9.00	17	4.30
3	Bơi	55	12.90	38	9.20	40	9.50	36	9.00
4	Bóng đá	42	9.90	54	13.00	4	1.00	2	0.50
5	Bóng chuyền (da, hơi)	44	10.30	39	9.40	26	6.20	36	9.00
6	Bóng rổ	12	2.80	8	1.90	6	1.40	4	1.00
7	Bóng bàn	27	6.30	12	2.90	20	4.80	8	2.00
8	Cầu lông	46	10.80	35	8.50	36	8.60	23	5.80
9	Đá cầu	16	3.80	10	2.40	12	2.90	7	1.80
10	Quần vợt	23	5.40	8	1.90	13	3.10	5	1.30
11	Xe đạp	56	13.10	38	9.20	45	10.70	29	7.30
12	Các môn Võ	31	7.30	26	6.30	29	6.90	19	4.80
13	Võ dưỡng sinh	13	3.10	6	1.40	10	2.40	4	1.00
14	Các môn thể thao dân tộc, trò chơi dân gian	3	0.70	3	0.70	1	0.20	2	0.50
15	Cờ (cờ vua, cờ tướng)	36	8.50	42	10.10	8	1.90	3	0.80
16	Các môn khác	22	5.20	9	2.20	19	4.50	15	3.80
17	Không có nhu cầu	100	23.50	112	27.10	99	23.60	123	30.80

Các môn có nhu cầu < 5%: Thể dục, Bóng rổ, Bóng bàn, Đá cầu, Quần vợt, Các môn võ, Võ dưỡng sinh, Thể thao dân tộc, các trò chơi dân gian.

- Nữ khu vực thành thị:

Các môn có nhu cầu trên >10%: Điền kinh, Xe đạp.

Các môn có nhu cầu từ 5 đến 10%: Bơi, Thể dục, Cầu lông, Các môn võ, Bóng chuyền.

Các môn có nhu cầu < 5%: Bóng bàn; Các môn khác, Quần vợt, Đá cầu, Võ dưỡng sinh, Cờ, Bóng rổ, Bóng đá, Thể thao dân tộc, các trò chơi dân gian.

- Nữ khu vực nông thôn:

Các môn nhu cầu trên >10% gồm: Điền kinh.

Các môn có nhu cầu từ 5 đến 10%: Bóng chuyền, Bơi, Xe đạp, Cầu lông

Các môn có nhu cầu < 5%: Các môn võ, Thể dục, Bóng bàn, Đá cầu, Quần vợt, Bóng rổ, Võ dưỡng sinh, Cờ, Bóng đá, Thể thao dân tộc, các trò chơi dân gian.

Kết quả ở bảng 2 cho thấy:

- Ở các đối tượng nam, số người không có nhu cầu tập luyện các môn thể thao chiếm tỷ lệ cao nhất là người cao tuổi (39,2%), kế đến là thanh niên (23,8%), trung niên (22,6%), thiếu niên (21,4%) và cuối cùng là thanh thiếu niên

(20,9%). Còn ở các đối tượng nữ con số này với người cao tuổi (40,7%), thanh niên (26,4%), thanh thiếu niên (25,1%), thiếu niên (25,4%) và trung niên (20,3%).

- Nam thiếu niên thích tập luyện các môn: Bơi, Bóng đá, Các môn võ.

- Nam thanh thiếu niên thích tập luyện các môn: Điền kinh, Bơi, Các môn võ, Thể dục.

- Nam thanh niên thích tập luyện các môn: Điền kinh, Bóng đá, Thể dục, Cầu lông, Cờ.

- Nam trung niên thích tập luyện các môn: Điền kinh, Xe đạp, Cầu lông, Cờ, Bóng đá, Bơi.

- Nam cao tuổi thích tập luyện các môn: Điền kinh, Cờ, Xe đạp, Bóng chuyền, Võ dưỡng sinh.

- Nữ thiếu niên thích tập luyện các môn: Bơi, Các môn võ.

- Nữ thanh thiếu niên thích tập luyện các môn: Điền kinh, Các môn võ.

- Nữ thanh niên thích tập luyện các môn: Điền kinh, Thể dục.

- Nữ trung niên thích tập luyện các môn: Điền kinh, Thể dục, Xe đạp, Bóng chuyền, Cầu lông, Bơi.

- Nữ cao tuổi thích tập luyện các môn: Điền kinh, Xe đạp, Bóng chuyền.

Kết quả ở bảng 3 cho thấy:

- Số các đối tượng lựa chọn tập TDTT 3

Bảng 2. Nhu cầu tập luyện các môn thể thao của các đối tượng dân cư Thành phố Tuyên Quang theo độ tuổi

TT	Môn thể thao	Nam (n=840)												Nữ (n=820)																		
		Thiếu niên (n=196)			Thanh thiếu niên (n=182)			Thanh niên (n=164)			Trung niên (n=155)			Người cao tuổi (n=143)			Thiếu niên (n=189)			Thanh thiếu niên (n=175)			Thanh niên (n=163)			Trung niên (n=158)			Người cao tuổi (n=135)			
		n	%		n	%		n	%		n	%		n	%		n	%		n	%		n	%		n	%		n	%		
1	Điền kinh (đi bộ, chạy)	12	6.10	26	14.30	39	23.80	53	34.20	34	23.80	3	4.80	9	4.80	26	14.90	28	17.20	46	29.10	33	24.40									
2	Thể dục (buổi sang, thể hình, thẩm mỹ)	0	0.00	19	10.40	23	14.00	9	5.80	0	0.00	0	0.00	0	0.00	11	6.30	18	11.00	26	16.50	0	0.00									
3	Bơi	38	19.40	20	11.00	15	9.10	17	11.00	3	2.10	26	13.80	12	6.90	15	9.20	21	13.30	2	1.50	2	1.50									
4	Bóng đá	31	15.80	18	9.90	24	14.60	20	12.90	3	2.10	4	2.10	2	1.10	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00									
5	Bóng chuyền (da, hơi)	0	0.00	11	6.00	16	9.80	34	21.90	22	15.40	0	0.00	5	2.90	8	4.90	28	17.70	21	15.60											
6	Bóng rổ	3	1.50	9	4.90	6	3.70	2	1.30	0	0.00	1	0.50	6	3.40	2	1.20	1	0.60	0	0.00	0	0.00									
7	Bóng bàn	2	1.00	6	3.30	7	4.30	19	12.30	5	3.50	0	0.00	3	1.70	6	3.70	15	9.50	4	3.00											
8	Cầu lông	8	4.10	15	8.20	21	12.80	26	16.80	11	7.70	5	2.60	12	6.90	14	8.60	23	14.60	5	3.70											
9	Đá cầu	11	5.60	8	4.40	5	3.00	2	1.30	0	0.00	3	1.60	11	6.30	5	3.10	0	0.00	0	0.00	0	0.00									
10	Quần vợt	3	1.50	6	3.30	5	3.00	15	9.70	2	1.40	2	1.10	2	1.10	6	3.70	8	5.10	0	0.00	0	0.00									
11	Xe đạp	5	2.60	8	4.40	15	9.10	37	23.90	29	20.30	4	2.10	5	2.90	12	7.40	29	18.40	24	17.80											
12	Các môn Võ	30	15.30	19	10.40	6	3.70	2	1.30	0	0.00	26	13.80	18	10.30	4	2.50	0	0.00	0	0.00	0	0.00									
13	Võ dưỡng sinh	0	0.00	0	0.00	0	0.00	3	1.90	16	11.20	0	0.00	0	0.00	0	0.00	1	0.60	13	9.60											
14	Các môn thể thao dân tộc, các trò chơi dân gian	2	1.00	1	0.50	0	0.00	3	1.90	0	0.00	0	0.00	0	0.00	1	0.60	2	1.30	0	0.00											
15	Cờ (cờ vua, cờ tướng)	3	1.50	5	2.70	18	11.00	21	13.50	31	21.70	4	2.10	5	2.90	0	0.00	1	0.60	1	0.70											
16	Các môn khác(leo núi, golf, bowling...)	3	1.50	21	11.50	4	2.40	6	3.90	0	0.00	5	2.60	16	9.10	8	4.90	5	3.20	0	0.00											
17	Không có nhu cầu	42	21.40	38	20.90	39	23.80	35	22.60	56	39.20	48	25.40	44	25.10	43	26.40	32	20.30	55	40.70											

*Ghi chú: 6 - <12 tuổi: thiếu niên; 13 – < 20 tuổi: thanh thiếu niên; 20 - < 35 tuổi: thanh niên; 35 - < 60 tuổi: trung niên; ≥ 60: người cao tuổi

Bảng 3. Lựa chọn thời điểm và số buổi tập TDTT hàng tuần của dân cư Thành phố Tuyên Quang

TT	Thời điểm tập luyện, số buổi tập trong tuần	Nam				Nữ			
		Thành thị (n=426)		Nông thôn (n=414)		Thành thị (n=420)		Nông thôn (n=400)	
		n	%	n	%	n	%	n	%
I	Số buổi tập trong tuần								
1.1	1 buổi	76	17.80	50	12.10	78	18.60	60	15.00
1.2	2 buổi	96	22.50	139	33.57	118	28.50	119	29.75
1.3	3 buổi trở lên	154	36.20	113	27.30	125	30.20	98	25.50
1.4	Không có ý kiến	100	23.50	112	27.10	99	23.60	123	30.80
II	Thời điểm tập luyện								
2.1	Sáng sớm đến 7	97	22.80	103	24.90	159	37.90	93	23.30
2.2	Sau 7 giờ -11 giờ	26	6.10	53	12.80	9	2.10	63	15.80
2.3	Sau 11 giờ -13 giờ	8	1.80	20	4.80	5	1.20	21	5.30
2.4	Sau 13 giờ -17 giờ	37	8.60	53	12.80	32	7.60	55	13.80
2.5	Sau 17 giờ	158	37.10	73	24.80	116	33.80	45	11.30
2.6	Không có ý kiến	100	23.50	112	27.10	99	23.60	123	30.80

*Ghi chú: Mỗi buổi tập diễn ra trong thời gian tối thiểu là 30 phút

buổi/tuần có sự chênh lệch ở các đối tượng nam và nữ ở cả nông thôn và thành thị: Cao nhất là nam thành thị (36,2%), kế đến là nữ thành thị (30,2%), còn nam và nữ nông thôn chiếm tỷ lệ thấp hơn (27,3% và 25,5%). Như vậy, tỷ lệ trung bình tổng số các đối tượng dân cư lựa chọn tập TDTT 3 buổi/tuần chỉ chiếm 29,8%, thấp hơn tỷ lệ người tập TDTT thường xuyên năm 2015 của tỉnh Tuyên Quang là 0,6%. Ngoài ra các đối tượng dân cư tham gia tập luyện TDTT 1 buổi và 2 buổi cũng chiếm tỷ lệ khá cao ở cả nông thôn và thành thị (từ 17,8% đến 32,9 %). Đây là số liệu cần lưu tâm đặc biệt, bởi tập luyện tối thiểu 3 buổi/tuần là cơ sở để tăng cường thể lực. Như vậy, cần thiết phải có những biện pháp phù hợp để gia tăng số lượng người tập luyện đảm bảo tiêu chí này.

- Thời điểm tập luyện của các đối tượng khảo sát thường lựa chọn từ sáng sớm đến 7 giờ và sau 17 giờ; thời điểm tập luyện sau 17 giờ ở nam cao hơn nữ. Thời điểm khác có số người lựa chọn không cao và tương đối tản mạn.

KẾT LUẬN

- Quá trình nghiên cứu đã xác định được nhu cầu tập luyện của cư dân Thành phố Tuyên Quang: Theo giới tính, thành thị cao hơn nông thôn, đối tượng nam có nhu cầu tập luyện cao hơn nữ; các môn thể thao được ưu tiên lựa chọn theo thứ tự: Điền kinh (đi bộ, chạy), Thể dục (buổi sáng, thể hình, thẩm mỹ), Bơi, Bóng đá,

Bóng chuyền (đa, hơi), Bóng rổ, Bóng bàn, Cầu lông, Đá cầu, Quần vợt, Xe đạp, Các môn võ, Võ dưỡng sinh, Các môn thể thao dân tộc, các trò chơi dân gian, Cờ (cờ vua, cờ tướng).

- Nhu cầu tập luyện các môn thể thao của cư dân Thành phố Tuyên Quang có sự phân hóa theo độ tuổi và giới tính theo xu hướng độ tuổi càng cao thì nhu cầu giảm. Tỷ lệ các đối tượng dân cư không có nhu cầu tập luyện chiếm tỷ lệ khá cao, đặc biệt là ở cả lứa tuổi thiếu niên và thanh thiếu niên (từ 20,9 % đến 25,4%).

- Tỷ lệ dân lựa chọn tập luyện 3 buổi/tuần tuy có cao nhưng lại thấp hơn tỷ lệ người tập thường xuyên năm 2015 của tỉnh Tuyên Quang là 0,6%. Kết quả khảo sát cho thấy sự cần thiết phải có những biện pháp phù hợp để gia tăng số lượng người tập luyện TDTT thường xuyên, góp phần thúc đẩy phong trào TDTT quần chúng phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2009), *Thông tư số 02/2009/TT-BVHTTDL Hướng dẫn việc tổ chức và đánh giá phong trào TDTT quần chúng tại địa phương*.
2. Quốc hội (2006), *Luật thể dục, thể thao* - Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ X số 72/2006/QH ngày 29/11/2006.
3. Phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố Tuyên Quang (2015), *Báo cáo tổng kết công tác công tác năm 2015*.

(Bài nộp ngày 29/8/2017, Phản biện ngày 29/9/2017, duyệt in ngày 25/10/2017)